

CÔNG TY CP THỰC PHẨM HỮU NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TPHN-TCKT Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2025
V/v giải trình kết quả SXKD theo
Báo cáo Tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025

Kính gửi:
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
Mã chứng khoán: HNF
Nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế báo cáo Tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước chênh lệch trên 10%.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 01/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo Tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty như sau:

	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	789.211.502.462	865.461.480.029	(76.249.977.567)	-9%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	59.174.959.579	52.197.080.172	6.977.879.407	13%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	730.036.542.883	813.264.399.857	(83.227.856.974)	-10%
4.	Giá vốn hàng bán	513.509.829.451	567.987.566.205	(54.477.736.754)	-10%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.526.713.432	245.276.833.652	(28.750.120.220)	-12%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	11.569.306.261	9.446.849.077	2.122.457.184	22%
7.	Chi phí tài chính	22.405.906.972	23.920.642.799	(1.514.735.827)	-6%
	Trong đó: chi phí lãi vay	20.347.591.149	22.147.379.044	(1.799.787.895)	-8%
8.	Chi phí bán hàng	139.660.030.002	139.920.435.375	(260.405.373)	0%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.752.575.802	22.887.962.179	(135.386.377)	-1%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	43.277.506.917	67.994.642.376	(24.717.135.459)	-36%
11.	Thu nhập khác	1.225.144.952	1.858.421.587	(633.276.635)	-34%
12.	Chi phí khác	256.038.482	826.773.436	(570.734.954)	-69%
13.	Lợi nhuận khác	969.106.470	1.031.648.151	(62.541.681)	-6%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.246.613.387	69.026.290.527	(24.779.677.140)	-36%

15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.452.240.646	8.173.960.254	(1.721.719.608)	-21%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.794.372.741	60.852.330.273	(23.057.957.532)	-38%
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.260	2.028		

Nguyên nhân:

Trong 6 tháng đầu năm 2025. Do doanh nghiệp nâng cao máy móc thiết bị và cải tiến quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm thúc đẩy doanh thu bán hàng trong thời kỳ thị trường khó khăn

Đây cũng là yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Công ty Cam kết và chịu trách nhiệm về các nội dung bản công bố thông tin này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

(Đã ký)

Chủ tịch HĐQT
TRỊNH TRUNG HIẾU

Number: /TPHN-TCKT

Regarding the explanation of production and business results

Financial Control Report for the first 6 months of 2025

Hanoi, August , , 2025

Dear:

- State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange.

Organization name: Huu Nghi Food Joint Stock Company

Address: 122 Dinh Cong, Phuong liet ward, Hanoi city

Stock code: HNF

Explanation: The audited financial report's after-tax profit for the first 6 months of 2025 compared to the same period last year differs by more than 10%.

Pursuant to Circular 96/2020/TT-BTC dated January 1, 2021 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the stock market.

Huu Nghi Food Joint Stock Company would like to explain the fluctuations in profit after tax in the Company's Audited Financial Report for the first 6 months of 2025 as follows:

	TARGETS	This year	Last year	Increase (+) Decrease (-)	Proportion
1.	Sales from goods and services sold	789.211.502.462	865.461.480.029	(76.249.977.567)	-9%
2.	Sales deduction	59.174.959.579	52.197.080.172	6.977.879.407	13%
3.	Net sales from goods and services sold	730.036.542.883	813.264.399.857	(83.227.856.974)	-10%
4.	Cost of goods sold	513.509.829.451	567.987.566.205	(54.477.736.754)	-10%
5.	Gross profit from goods and services sold	216.526.713.432	245.276.833.652	(28.750.120.220)	-12%
6.	Revenue from financial activities	11.569.306.261	9.446.849.077	2.122.457.184	22%
7.	Expenses from financial activities	22.405.906.972	23.920.642.799	(1.514.735.827)	-6%
	In there: Loan interest expense	20.347.591.149	22.147.379.044	(1.799.787.895)	-8%

8.	Sales expenses	139.660.030.002	139.920.435.375	(260.405.373)	0%
9.	Administration expenses	22.752.575.802	22.887.962.179	(135.386.377)	-1%
10.	Net profit from business activities	43.277.506.917	67.994.642.376	(24.717.135.459)	-36%
11.	Other incomes	1.225.144.952	1.858.421.587	(633.276.635)	-34%
12.	Other expenses	256.038.482	826.773.436	(570.734.954)	-69%
13.	Other profits	969.106.470	1.031.648.151	(62.541.681)	-6%
14.	Profit before tax	44.246.613.387	69.026.290.527	(24.779.677.140)	-36%
15.	Current income tax expense	6.452.240.646	8.173.960.254	(1.721.719.608)	-21%
16.	Deferred Income Tax	-	-	-	
17.	Profit after income tax	37.794.372.741	60.852.330.273	(23.057.957.532)	-38%
18.	Primary earning per share	1.260	2.028		

Reason:

In the first 6 months of 2025. Due to the enterprise upgrading machinery and equipment and improving production and business operations processes, in order to boost sales revenue during difficult market periods. This is also the main factor affecting the business performance of the enterprise..

This is also the main factor affecting the business performance of the enterprise. The Company commits to and is responsible for the contents of this information disclosure.

Best regards./.

HUU NGHI FOOD JOINT STOCK COMPANY

Place of receipt

- As above;

(Signed)

- Saved: VT, TCKT.

**PRESIDENT
TRINH TRUNG HIEU**